

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/DS-ST
Ngày: 09 – 9 – 2020
Về việc tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngũ Minh Luận.
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 156/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1980; nơi thường trú: ấp P, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1995; HKTT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên lạc: khu D, đường P, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 09/6/2020), có mặt.

Bị đơn: Ông Cao Thanh P, sinh năm 1978; nơi thường trú: phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Đoàn Anh T, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp P, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2020, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 09/6/2018, ông Cao Thanh P có vay của ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị Kim H số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn. Đến ngày 13/6/2018 thì ông P tiếp tục vay ông L, bà H số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 17/6/2018, ông P tiếp tục vay ông L, bà H số tiền 200.000.000 đồng. Tất cả các lần vay đều không tính lãi, ông P đã nhận toàn bộ số tiền vay tại nhà ông L, bà H, địa chỉ: ấp P, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Việc vay tiền trên, vợ chồng ông L, bà H và ông P có viết giấy tay thỏa thuận cho mượn tiền, tuy nhiên các giấy tay đó đã được các bên hủy. Đến ngày 26/9/2018, đã quá thời hạn thỏa thuận trả tiền mà ông P không trả nên vợ chồng ông L, bà H yêu cầu ông P làm giấy cam đoan xác nhận việc ông P đã vay tiền. Ngày 26/9/2018 ông P viết một giấy cam đoan về việc đã mượn tiền của ông L, bà H với số tiền như nêu trên. Ông P cam kết trong vòng 03 tháng tính từ ngày 17/6/2018 đến ngày 17/9/2018 sẽ hoàn trả lại số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), ông L, bà H và ông P cùng ký vào giấy cam đoan, có người làm chứng là ông Đoàn Anh T. Để đảm bảo việc thỏa thuận trả tiền, ông P có đưa cho ông L, bà H 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 056987, loại xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, biển số đăng ký 61A.40769 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/10/2017 cho ông Cao Thanh P.

Sau khi ký giấy cam đoan nêu trên thì ông P không thanh toán tiền vay cho ông L, bà H như thỏa thuận làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà H. Ông L, bà H đã nhiều lần gọi điện thoại, trực tiếp đến nhà nhưng ông P cố tình lánh mặt không chịu trả tiền. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Cao Thanh P phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị Kim H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 17/9/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 18/9/2018 đến ngày 18/8/2020 là 23 tháng, số tiền: $(0,75\%/\text{tháng} \times 23 \text{ tháng} \times 300.000.000 \text{ đồng}) = 51.750.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn không có yêu cầu khởi kiện bổ sung nào khác.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 056987, loại xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, biển số đăng ký 61A.40769 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/10/2017 nguyên đơn tự nguyện trả lại cho bị đơn cho ông Cao Thanh P.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy cam đoan ngày 26/9/2018 và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Bị đơn ông Cao Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông Cao Thanh P đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt

các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là không chấp hành pháp luật tố tụng, tự từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18/9/2018 đến ngày 18/8/2020. Bị đơn vay nguyên đơn số tiền nợ trên nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là vi phạm quy định của pháp luật nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng. Theo thỏa thuận vay tiền, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về tiền lãi, nay nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 18/9/2018 đến ngày 18/8/2020 là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Cao Thanh P có hộ khẩu thường trú tại khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

[1.4] Quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 17/9/2018 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 18/9/2018 đến ngày 18/8/2020. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 18/9/2018 đến ngày 18/8/2020, là 23 tháng, số tiền như sau: $(0,75\%/tháng \times 23 \text{ tháng} \times 300.000.000 \text{ đồng}) = 51.750.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng 351.750.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy cam đoan ngày 26/9/2018 có chữ ký của ông P, bà Huyền, ông L và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan. Nội dung chứng cứ thể hiện ông Cao Thanh P có mượn của bà Trần Thị Kim

H, ông Nguyễn Thanh L số tiền 50.000.000 đồng ngày 09/6/2018, số tiền 50.000.000 đồng ngày 13/6/2018, số tiền 200.000.000 đồng ngày 17/6/2018, tổng cộng 300.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Ông P cam kết trong vòng 03 tháng tính từ ngày 17/9/2018 sẽ hoàn trả. Tuy nhiên, ông P không thực hiện việc trả tiền nợ gốc đúng quy định là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn thanh toán tiền vay là ngày 17/9/2018, việc bị đơn không trả số tiền đã vay đúng theo thời hạn thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền vay 300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Tại Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*, trong trường hợp này tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 quy định mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 056987, loại xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, biển số đăng ký 61A.40769 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/10/2017 cho ông Cao Thanh P, ông P đã giao cho nguyên đơn để đảm bảo cho khoản vay, nguyên đơn tự nguyện trả cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 244, Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị Kim H đối với bị đơn ông Cao Thanh P về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Cao Thanh P phải trả cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị Kim H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi 51.750.000 đồng (Năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng cộng 351.750.000 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị Kim H trả lại cho ông Cao Thanh P bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 056987, loại xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, biển số đăng ký 61A.40769 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp cho ông Cao Thanh P ngày 05/10/2017.

3. Về án phí Ông Cao Thanh P phải chịu 17.587.500 đồng (Mười bảy triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị Kim H số tiền 8.625.000 đồng (Tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0046845 ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh